

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 14-02-2022  
V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Đen.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Trường;

Ông Hồ Quang Minh.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phan V Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 422/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L. Sinh năm: 1958 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V. Sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021 và các tài liệu trong quá trình tố tụng, bà Phạm Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hoàng V sống chung với nhau từ năm 1977, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc sống chung là tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn được bà xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tự hàn gắn được. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 05 người con chung, gồm: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978; Nguyễn Kiều D, sinh năm 1980; Nguyễn Mộng T, sinh năm 1984; Nguyễn Mộng D, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, các người con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tuổi cao, đi lại khó khăn, bà xin vắng mặt tại phiên xét xử của tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V có nơi cư trú tại khóm 2, thị trấn, huyện T, tỉnh C. nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Xin Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V đã được Tòa án tổng đạt các giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và ông V cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của bà L, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông V theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hoàng V sống chung từ năm 1977 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc sống chung là tự nguyện. Quan hệ vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, nhưng xét thời gian hai người sống chung với nhau trước năm 1987 nên xác định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Nguyễn Hoàng V tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông V vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L. Xét thấy giữa bà L và ông V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà và ông không đạt được. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 05 người con chung, gồm: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978; Nguyễn Kiều D, sinh năm 1980; Nguyễn Mộng T, sinh năm 1984; Nguyễn Mộng D, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, các người con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Vào ngày 02/11/2021 bà Phạm Thị L – sinh năm 1958 có đơn xin miễn án phí với lý do bà L là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên trường hợp của bà Phạm Thị L được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Đen**